

Số: 2377/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 29 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 Quyền 01/2015 ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1448/2022/HNST ngày 02/6/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990

KHTT: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

Địa chỉ: Khu phố H, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: Ông Trần Văn N, sinh năm 1989

HKTT: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Khu phố H, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 21 tháng 6 năm 2022, ông Trần Văn N, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 thỏa thuận: Về quan hệ hôn nhân, ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn; Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Trúc T1 (nữ), sinh ngày 08/02/2017 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/ 01 tháng, thực hiện từ Tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không có; Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình là 300.000đồng, Ông N và bà Tiên chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự hoà giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 21 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự hoà giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn N, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Trúc T1 (nữ), sinh ngày 08/02/2017 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/ 01 tháng, thực hiện từ Tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Văn N không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Tài sản chung, nợ chung: Không có

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng là tạm ứng lệ phí mà Ông N, bà Tiên đã nộp theo Biên lai thu số 0027387 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông N, bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh